

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy và ông Lê Minh Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Quang T1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Bích T2, sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp C, xã S, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh Đinh Quang T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T2 yêu thương nhau, tự nguyện kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 20-3-2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh T1 là do chị T2 có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân

không còn hạnh phúc, chị T2 đã đưa các con chung về nhà mẹ ruột tại xã Suối Nho để sinh sống, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 6/2021 đến nay. Nay anh T1 nhận thấy không còn tình cảm với chị T2 nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Hoàng Thị Bích T2.

Về con: Theo anh T1, anh và chị T2 có 02 người con là Đinh Ngọc Hoài A, sinh ngày 27-7-2017 và Đinh Hoàng Minh T3, sinh ngày 24-9-2019, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị T2. Khi ly hôn, anh T1 giao các con chung cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo anh T1, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo anh T1, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên anh T1 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn chị Hoàng Thị Bích T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T1 và chị T2, kết quả xác minh như sau:

Anh T1 và chị T2 sau khi tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà anh T1 được một thời gian ngắn thì về sống bên nhà chị T2 tại xã S, huyện D. Đến tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh T1 và chị T2 có 02 người con chung tên Đinh Ngọc Hoài A, sinh ngày 27-7-2017 và Đinh Hoàng Minh T3, sinh ngày 24-9-2019. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị T2, do chị T2 chăm sóc và nuôi dưỡng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh Đinh Quang T1 được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích T2. Về con: Đề nghị giao

các con chung Đinh Ngọc Hoài A, sinh ngày 27-7-2017 và Đinh Hoàng Minh T3, sinh ngày 24-9-2019 cho chị T2 được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đinh Quang T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Hoàng Thị Bích T2, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị T2 có nơi cư trú tại: Ấp Chợ, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị T2, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20-3-2018. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Nguyên đơn anh T1 yêu cầu ly hôn với lý do quá trình chung sống do chị T2 có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng anh T1, chị T2 đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa anh T1 và chị T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của anh T1 đối với chị T2 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với bị đơn chị T2, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, chị T2 không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với anh T1.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 và chị T2 có 02 người con Đinh Ngọc Hoài A, sinh ngày 27-7-2017 và Đinh Hoàng Minh T3, sinh ngày 24-9-2019, hiện các con đang sống cùng chị T2, do chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T1 giao các con chung cho chị T2 được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao các con chung cho chị T2 được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T2 không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Anh T1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Quang T1, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Hoàng Thị Bích T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Quang T1 được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích T2.

2. Về con: Giao các con Đinh Ngọc Hoài A, sinh ngày 27-7-2017 và Đinh Hoàng Minh T3, sinh ngày 24-9-2019 cho chị T2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T2 không yêu cầu.

Anh T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đinh Quang T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003520 ngày 19-4-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị T2 đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất (GCNKH số 20/2018, ngày 20-3-2018) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tổ

